

GIÁO DỤC Y KHOA

Kết quả đào tạo liên tục kỹ năng dạy học cho giảng viên theo chương trình đổi mới giáo dục y khoa dựa trên năng lực của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Nguyễn Thị Phương Mai*, Nguyễn Quang Anh, Đào Thu Hồng

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Tác giả liên hệ

Nguyễn Thị Phương Mai
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Điện thoại: 0983731209
Email: ntpmai@hpmu.edu.vn

Thông tin bài đăng

Ngày nhận bài: 22/11/2022
Ngày phản biện: 29/11/2022
Ngày đăng bài: 27/12/2022

TÓM TẮT

Mục tiêu: Trên cơ sở khoá đào tạo phát triển phương pháp dạy học dựa trên năng lực đáp ứng yêu cầu dạy học theo chuẩn năng lực, với mục tiêu đánh giá kỹ năng viết mục tiêu bài học tốt, phương pháp lượng giá khách quan, tổ chức dạy học tích cực của giảng viên khối Khoa học cơ bản và Y học cơ sở cho sinh viên Y khoa năm 1, năm 2 trong năm học 2021-2022, nghiên cứu này mô tả kết quả can thiệp tiến hành trên 42 giảng viên tham gia đào tạo về phát triển phương pháp dạy học theo năng lực từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 9 năm 2022. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả, so sánh kết quả trước và sau can thiệp. **Kết quả nghiên cứu:** Kỹ năng viết mục tiêu bài học (đạt tiêu chí SMART), viết MCQ hiệu quả, sử dụng phần mềm tương tác trong dạy học và dạy học tích cực ngay sau khoá đào tạo cải thiện ở mức có ý nghĩa thống kê, lần lượt ở mức 47,6%; 36,3%; 64,2%; 62,3%. Tuy nhiên, tiêu chí cụ thể của mục tiêu bài học và lỗi văn phong của MCQ chưa có sự cải thiện. Khoảng 21,4% số đối tượng duy trì phương pháp dạy học thuyết trình ở các buổi dạy. **Kết luận và khuyến nghị:** Cần có sự hỗ trợ về phòng học thông minh và internet để duy trì phương pháp dạy học tích cực trong dạy học và tăng cường thời lượng huấn luyện kỹ năng viết mục tiêu bài học, MCQ ở các khoá đào tạo tiếp theo.

Từ khoá: dạy học dựa trên năng lực, dạy học tích cực, đào tạo.

Assessment of continuous training results on teaching skills applied for innovative competency-based medical education program in Haiphong University of Medicine and Pharmacy, 2021-2022

ABSTRACT. Objectives: Training course on developing competency-based teaching methods to meet teaching requirements according to competency standards. To assess the skill of well-written lesson objectives, objective evaluation methods, and active teaching organization of the lecturers in the Faculty of Basic Sciences and Faculty of Medical Fundamental (Biomedical) Sciences for 1st and 2nd-year medical students in the academic year 2021-2022, an intervention study was conducted on 42 lecturers who participated in training on developing competency-based teaching methods from September 2021 to September 2022. **Methods:** Descriptive and comparative study design. **Study results:** Writing skills lesson objectives met SMART criteria, good MCQ, using interactive software in

teaching and active teaching right after the training course increased significantly by 47.6%; 36.3%; 64.2%; 62.3% respectively. However, the specific criteria of the lesson objectives and the stylistic errors of the MCQ have not been improved. About 21.4% of the subjects maintained the presented teaching method during the teaching sessions.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Dạy học Y khoa dựa trên năng lực (Competency-based medical education – CBME) đánh dấu một bước ngoặt trong thời kỳ đổi mới của Giáo dục Y khoa.

CBME trở thành vấn đề cấp thiết nhằm đáp ứng năng lực hành nghề của bác sỹ Y khoa sau khi tốt nghiệp, đó là khả năng làm việc trong môi trường thực tế. Để đáp ứng được yêu cầu đó, dạy học chuyển sang dạy học tích cực với 7 nguyên tắc: học có mục đích, liên quan thực tế nghề nghiệp, dạy vấn đề phức tạp, có tình huống, người học được phản ánh, bình luận và đàm phán về mục tiêu, phương pháp, phương tiện dạy học [1]. Nguyên lý xây dựng liên kết (constructive alignment) với sự phù hợp giữa mục tiêu dạy học - chiến lược, phương pháp và công cụ lượng giá - tổ chức dạy học tích cực phù hợp. Phương pháp dạy học tích cực được thể hiện qua sự tương tác với sinh viên trực tiếp hoặc qua hệ thống, giao quyền chủ động cho sinh viên, giảng viên đóng vai trò điều phối, phản hồi tích cực giúp người học tiến bộ là những điểm khác biệt so với dạy học truyền thống [2].

Tính chuyên nghiệp và kỹ năng sư phạm là vấn đề hàng đầu, giảng viên linh hoạt với thiết kế giảng dạy sáng tạo, kinh tế và nhân xã hội học cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện năng lực của giảng viên [3]. Khả năng tự học, tự phát triển bản thân là quan trọng nhất; để đạt được điều đó, mỗi giảng viên phải thích ứng với sự phát triển của công nghệ trong sự liên kết các lĩnh vực giảng dạy [4]. Đào tạo nội bộ có hiệu quả rõ rệt đến năng lực sư phạm và nên được tổ chức thường kỳ [5].

Trước nhu cầu đổi mới dạy học, khoá đào tạo liên tục về “xây dựng và phát triển chương trình giáo dục Y khoa dựa trên năng

Conclusions and suggestions: Smart rooms and the internet are needed to maintain active teaching methods in teaching and increase training time in writing lesson objectives and MCQ in the next training courses.

Keywords: *Competency-based education, active teaching, training.*

lực” đã từng bước được tổ chức ở các khối giảng viên tham gia giảng dạy sinh viên Y khoa theo chương trình Đổi mới giáo dục Y khoa dựa trên năng lực, mà bắt đầu từ khối giảng viên Y học cơ sở và Khoa học cơ bản. Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của khoá đào tạo liên tục nhằm cải thiện ở các khoá tiếp theo và đồng thời là cơ sở để tiếp tục theo dõi sự áp dụng phương pháp dạy học tích cực ở các năm sau.

Mục tiêu: Đánh giá một số kỹ năng: viết mục tiêu bài học tốt, phương pháp lượng giá khách quan, tổ chức dạy học tích cực của giảng viên khối Y học cơ sở và Khoa học cơ bản cho sinh viên Y khoa năm 1, năm 2 trong năm học 2021-2022.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chuẩn lựa chọn

Toàn bộ 42 giảng viên khối Khoa học cơ bản và Y học cơ sở của trường Đại học Y Dược Hải Phòng giảng dạy trong các module năm 1, năm 2 của chương trình đổi mới giáo dục Y khoa dựa trên năng lực, tham gia khoá đào tạo liên tục “Xây dựng chương trình và phát triển phương pháp dạy học theo năng lực” năm 2021.

Tiêu chuẩn loại trừ

Giảng viên giảng dạy trong các module năm 1, năm 2 của chương trình đổi mới giáo dục Y khoa dựa trên năng lực không hoàn thành khoá đào tạo liên tục.

Giảng viên tham gia khoá đào tạo liên tục không dạy cho đối tượng Y khoa theo chương trình đổi mới giáo dục Y khoa dựa trên năng lực.

Giảng viên tham gia khoá đào tạo liên tục và giảng dạy chương trình đổi mới không trả lời phiếu điều tra.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Thời gian: từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 9 năm 2022.

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả, so sánh kết quả trước và sau can thiệp bằng khoá đào tạo liên tục về “Xây dựng chương trình và phát triển phương pháp dạy học theo năng lực”

Cỡ mẫu: 42 giảng viên khối cơ sở cơ bản và Y học cơ sở tham gia khoá đào tạo.

Phương pháp thu thập số liệu: lấy mẫu thuận tiện có chủ đích

Giảng viên (đối tượng nghiên cứu): tự đánh giá qua khảo sát online bằng Google forms ngay khi kết thúc khóa đào tạo.

Giảng viên (người đánh giá): đánh giá qua kết quả chấm bài tập trước mỗi buổi đào tạo và bài lượng giá thực hành cuối khoá đào tạo.

Sinh viên: đánh giá giảng viên qua khảo sát online bằng Google forms trong quá trình giảng viên dạy sau khi kết thúc khóa đào tạo.

Chỉ số nghiên cứu

Chỉ số nhân xã hội học:

- Tuổi: ≤ 30 ; 31-40; >40
- Giới: nam, nữ
- Trình độ: Bác sỹ, Thạc sỹ, Bác sỹ chuyên khoa 2, Tiến sỹ, Phó giáo sư
- Chức vụ quản lý: không; phó/ trưởng khoa/ bộ môn/ module; giáo vụ bộ môn/ thư ký module

- Năm công tác: < 5 năm; 5-10 năm; 10-15 năm; > 15 năm

Tự đánh giá về mức độ cải thiện sau đào tạo liên tục: không cải thiện, cải thiện rất ít, cải thiện vừa phải, cải thiện nhiều về viết mục tiêu bài học, MCQ và tổ chức dạy học tích cực.

Đánh giá mức độ cải thiện của giảng viên: trước và sau buổi đào tạo liên tục, lượng giá giữa kỳ, cuối kỳ.

- **Viết mục tiêu:** SMART, thiếu/ đủ tiêu chí
- **Viết MCQ hiệu quả:** phù hợp mục tiêu, vi phạm lỗi
- **Sử dụng phần mềm tương tác:** trước, trong và sau buổi dạy
- **Tổ chức phương pháp dạy học tích cực:** phù hợp với mục tiêu, đúng nguyên tắc.

Đánh giá của sinh viên

- Bài giảng có mục tiêu học tập
- Sinh viên được thảo luận
- Sử dụng phần mềm tương tác

Xử lý và phân tích số liệu: dùng phần mềm thống kê Y học để tính và so sánh tỉ lệ %, giá trị trung bình

Đạo đức nghiên cứu: giữ bí mật thông tin người phản hồi và người được phản hồi. Đề tài đã được thông qua Hội đồng xét duyệt và phê duyệt Đề tài cơ sở năm học 2021-2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

KẾT QUẢ

Qua nghiên cứu trên 42 giảng viên tham gia khoá đào tạo, chúng tôi thu được kết quả như sau: Bảng 1 chỉ ra đa số (54,8% - 69%) giảng viên đều tự đánh giá khoa đào tạo đã cải thiện kỹ năng viết mục tiêu bài học theo tiêu chí SMART, viết câu hỏi trắc nghiệm MCQ tốt, sử dụng tương tác hệ thống và áp dụng phương pháp dạy học tích cực ở mức độ vừa.

Từ 16,7-28,6% tự nhận thấy có khả năng vận dụng vào thực tế dạy học.

Bảng 1: Tự đánh giá mức độ cải thiện sau đào tạo

Biến số	Cải thiện ít		Cải thiện vừa		Cải thiện nhiều		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Viết mục tiêu bài học	2	4,7	28	66,7	12	28,6	42	100
Viết MCQ	3	7,1	32	76,2	7	16,7	42	100
Sử dụng tương tác hệ thống	10	23,8	23	54,8	9	21,4	42	100
Tổ chức dạy học tích cực	6	14,3	29	69	7	16,7	42	100

Bảng 2 cho thấy độ tuổi 31-40 chiếm 2/3 (66,7%) số đối tượng nghiên cứu, hơn ¾ (78,6%) là nữ. Đa số (69%) ở trình độ Thạc sỹ và 2/5 số đối tượng nghiên cứu có thời gian giảng dạy 6-10 năm, không đảm nhiệm nhiệm vụ quản lý.

Bảng 2: Chỉ số nhân xã hội học của đối tượng nghiên cứu

	Biến số	Số lượng (%)	Trung vị (25%, 75%)
Tuổi	≤ 30	3 (7,1)	
	31-40	28 (66,7)	35 (33-41)
	≥ 41	11 (26,2)	
Giới	Nam	9 (21,4)	
	Nữ	33 (78,6)	-
Trình độ	Bác sỹ	3 (7,2)	
	Thạc sỹ	29 (69)	
	Tiến sỹ	7 (16,6)	-
	Bác sỹ chuyên khoa 2	1 (2,4)	
	Phó Giáo sư	2 (4,8)	
Năm công tác	≤ 5 năm	5 (11,9)	
	6-10	17 (40,5)	
	11-15	12 (28,6)	10 (7-12,3)
	> 15	8 (19)	
Chức vụ	Không	17 (40,5)	
	Giáo vụ bộ môn/ thư ký module	12 (28,5)	-
	Trưởng/ phó bộ môn/ module	13 (31)	

Bảng 3 cho thấy sau khoá đào tạo, số đối tượng nghiên cứu viết mục tiêu đủ tiêu chí SMART đã tăng lên, giảm lỗi thiếu sự phù hợp với mục tiêu học phần, có ý nghĩa thống kê với p lần lượt 0,03; <0,001 (<0,05). Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu viết MCQ hiệu quả tăng lên, tỉ lệ mắc lỗi thiếu sự tương đồng giữa các phương án lựa chọn (tương đồng), trùng lặp giữa phương án lựa chọn và câu hỏi (trùng lặp) giảm sau đào tạo có ý nghĩa thống kê với p< 0,001. Tỷ lệ mắc lỗi văn phong với câu hỏi thiếu từ để hỏi hoặc chứa cụm từ phụ thuộc “sau đây” chưa có sự khác biệt giữa trước và sau khoá đào tạo.

Sau đào tạo, 64,2% số đối tượng nghiên cứu đã sử dụng phần mềm tương tác và 88% dạy học có thảo luận trong bài lượng giá cuối khoá nhưng chỉ còn 41,6% và 79,1% sử dụng trong các buổi dạy không có giám sát. Các đối tượng nghiên cứu đã bỏ dạy học thuyết trình đơn thuần trong các bài lượng giá cuối khoá của khoá đào tạo nhưng trong quá trình dạy học tiếp tục duy trì hoạt động này.

Bảng 3: Đánh giá của giảng viên và sinh viên sau đào tạo

Biến số	Đánh giá qua phiếu chấm			Đánh giá của sinh viên (Số lượng (%))	
	Trước tập huấn (Số lượng (%))	Sau tập huấn (Số lượng (%))	P		
Viết mục tiêu bài học	SMART	1 (2,4)	21 (50)	0,03	
	Thiếu yếu tố S	36 (85,7)	14 (33,3)	1	
	Thiếu yếu tố R	24 (57,1)	3 (7,2)	<0,001	
	Thiếu yếu tố M	3 (7,1)	0	-	
Viết MCQ cuối bài	Hiệu quả	1 (2,4)	16 (38,6)	<0,001	
	Lỗi tương đồng	29 (69,1)	1 (2,4)	<0,001	
	Lỗi trùng lặp	13 (31)	1 (2,4)	<0,001	
	Lỗi văn phong	32 (76,2)	12 (28,6)	0,104	
Sử dụng tương tác hệ thống	0	27 (64,2)	<0,001	17 (41,6)	
Tổ chức dạy học tích cực	Thuyết trình	35 (83,3)	0	<0,001	9 (21,4)
	Thảo luận	7 (16,7)	37 (88)	0,04	33 (79,1)
	Ráp hình	0	5 (12)	0,04	

Nghiên cứu không tìm thấy mối liên quan giữa trình độ, số năm công tác, chức vụ đảm nhiệm với việc cải thiện khả năng viết mục tiêu bài học, viết câu hỏi lượng giá MCQ, sử dụng hệ thống tương tác và phương pháp dạy học tích cực

BÀN LUẬN

Phần lớn đối tượng nghiên cứu (78,6%) là nữ; đa số (66,7%) ở độ tuổi còn khá trẻ, 31-40 tuổi và đạt trình độ Thạc sỹ. Gần nửa số đối tượng (40,4%) có thời gian công tác từ 6-10 năm và không giữ chức vụ quản lý. Số đối tượng nghiên cứu có trình độ tương đương Tiến sỹ trở lên và thời gian công tác trên 15 năm chỉ chiếm gần 1/5 tổng số. Như vậy, đa số đối tượng nghiên cứu ở độ tuổi trẻ và thời gian công tác chưa dài, nên kinh nghiệm dạy học được tích lũy chưa nhiều, trái lại, họ dễ tiếp cận các kiến thức, kỹ năng mới. Yếu tố tuổi,

thời gian công tác cũng ảnh hưởng tới kết quả các khoá đào tạo [3].

Đa số đối tượng nghiên cứu nhận thấy khoá đào tạo đã giúp họ cải thiện ở mức độ vừa, khoảng 16-29% tự thấy cải thiện nhiều và có khả năng áp dụng vào thực tế giảng dạy. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự như nghiên cứu của Neila, đào tạo luôn luôn cải thiện năng lực của người học [5].

Qua khoá đào tạo, việc cải thiện viết mục tiêu bài học đạt tiêu chí SMART có ý nghĩa thống kê với $p = 0,03$ ($< 0,05$) trong đó, tiêu chí tương thích với mục tiêu/ chuẩn đầu ra của module/ học phần thay đổi có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$. Gần 1/3 số đối tượng nghiên cứu

cứu còn viết mục tiêu bài học chưa đạt tiêu chí cụ thể. Việc xác định đối tượng, hành động cụ thể đã được cải thiện, tuy nhiên, sự cụ thể hoá số lượng hành động chưa được xác định. Hơn 1/3 số đối tượng viết MCQ tốt so với trước khi đào tạo. Các lỗi tương đồng giữa các phương án lựa chọn, trùng lặp giữa phương án lựa chọn và phần thân cải thiện có ý nghĩa thống kê với $p < 0,005$. Lỗi văn phong - câu hỏi thiếu từ động từ để hỏi vẫn còn xuất hiện ở 28,6% số đối tượng nghiên cứu.

Phương pháp dạy học tích cực mà ở đây là sự tương tác giữa người dạy và người học có thay đổi đáng kể. Trước khoá đào tạo, chưa có đối tượng nghiên cứu sử dụng trong bài dạy, trong bài lượng giá cuối khoá của khoá đào tạo, 2 phần mềm Poll Everywhere và Kahoot đã được 2/3 số đối tượng nghiên cứu (64,2%) sử dụng. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Neila về sự cải thiện về sử dụng các phần mềm và phương tiện truyền thông trong dạy học [5]. Mặc dù chỉ có gần 1/5 số đối tượng (21,4%) nhận thấy cải thiện nhiều khả năng sử dụng hệ thống tương tác và có khả năng tự áp dụng, nhưng trong thực tế 2/5 (41,6%) đối tượng nghiên cứu áp dụng vào các buổi dạy trên lớp. Có thể do hạn chế về tuổi, cơ sở vật chất hạ tầng (tốc độ và sự bao phủ wifi tại phòng học và phần mềm miễn phí hạn chế người dùng) dẫn tới việc sử dụng ứng dụng tương tác chưa cao. Phương pháp dạy học thuyết trình đơn thuần phổ biến trước khoá đào tạo (83,3%) đã được loại bỏ hoàn toàn khỏi buổi lượng giá cuối kỳ, tuy nhiên khoảng 1/5 số đối tượng vẫn duy trì trong các buổi dạy. Sự duy trì phương pháp dạy học tích cực sau đào tạo có lẽ do bởi môi trường dạy học tích cực làm tăng khả năng thuyết trình của cả người dạy và người học [6].

Nghiên cứu không tìm thấy mối liên quan giữa trình độ, số năm công tác, chức vụ đảm nhiệm với việc cải thiện khả năng viết mục tiêu bài

học, câu hỏi lượng giá MCQ, sử dụng hệ thống tương tác và dạy học tích cực.

KẾT LUẬN

Sau khoá đào tạo về phát triển phương pháp dạy học, các kỹ năng viết mục tiêu bài học đạt tiêu chí SMART, viết MCQ hiệu quả, tổ chức dạy học tích cực kết hợp tương tác hệ thống của giảng viên khối Y học cơ sở và Khoa học cơ bản cho sinh viên Y khoa năm 1, năm 2 trong năm học 2021-2022 cải thiện có ý nghĩa. Tuy nhiên, việc duy trì phương pháp dạy học tích cực cần có sự hỗ trợ về cơ sở vật chất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barnes D, Active Learning. Leeds University TVEI Support Project; 1989. p19.
2. Apriliyanti DL. Enhancing teacher's competencies through professional development program: Challenges and Benefits. *Acuity J. English Language pedagogy Literature and Culture*. (2021);5(1):28-38.
3. Shankara S, Gowtham NB, Surekha TP. Faculty competency framework: towards a better learning profession. *Procedia Computer Science*. (2020);172: 357-363.
4. Fadil A, Aryani IK. Improvement of teacher pedagogical competence through in-house training activities. *Open Access Dinamika Journal Ilmiah Pendidikan Dasar*. (2021);13(2):89-92.
5. Neila R, Djamaludin A, Yuliyardi S, et al. Teacher Quality Improvement Program: Empowering teachers to increasing a quality of Indonesian education. *Procedia-Social and Behavior Sciences*. (2012);69:1836-1841.
6. Afzal SM, Abul K. Teaching and learning process to enhance teaching effectiveness: a literature review. *International Journal of Humanities and Innovation*. 2021;1(4):1-4